

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 5 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Diễm
- Bà Bùi Thị Hồng Thơm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2025/TL.ST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53A/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thế K, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc M trình bày: Bà và ông Trần Thế K có quen biết, tìm hiểu nhau một thời gian và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 12/7/2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không còn tình cảm. Đến tháng 5/2015 thì bà bỏ đi. Đến

nay, bà M thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thế K.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Quốc K1 (nam) sinh ngày 10/12/2005 và Trần Quốc T (nam) sinh ngày 27/7/2012. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung, cháu T hiện đang chung sống với bà M. Đối với cháu Trần Quốc K1 đã đủ 18 tuổi nên bà không yêu cầu giải quyết về quyền nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn là ông Trần Thế K đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà án để trình bày ý kiến, vì vậy Toà án không ghi nhận được ý kiến của ông K.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật, đảm bảo đúng về thời hạn cũng như trình tự thủ tục. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M đối với ông Trần Thế K. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc M được ly hôn với ông Trần Thế K. Về con chung: Giao cháu Trần Quốc T cho bà M nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, bà M không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung nên ông K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung, đối với cháu Trần Quốc K1 đã đủ 18 tuổi, bà M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết về quyền nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có nên không xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Ngọc M và ông Trần Thế K tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn mà không thể hàn gắn tình cảm được nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K. Do ông K có địa chỉ cư trú ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc M vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Trần Thế K vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 giải quyết vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Giữa bà M và ông K tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống giữa bà M và ông K phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà M là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không còn hạnh phúc. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông K. Ông K dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà M, không trân trọng quan hệ hôn nhân hiện có. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông K đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông K.

[3.2] Về con chung: Bà M khai có 02 con chung là Trần Quốc K1 (nam) sinh ngày 10/12/2005 và Trần Quốc T (nam) sinh ngày 27/7/2012. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi cháu Trần Quốc T, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Trong quá trình tố tụng, bà M cung cấp bản sao giấy khai sinh của các con chung, theo đó cha là Trần Thế K, mẹ là Nguyễn Ngọc M. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định các cháu K1 và T là con chung của bà M và ông K.

Xét thấy, bản thân ông K làm cha nhưng không đến Toà án để thể hiện yêu cầu của mình về quyền nuôi dưỡng con chung, chưa thể hiện được trách nhiệm, nghĩa vụ đối với con chung. Đồng thời, theo bà M và cháu T thì cháu T đang sống cùng bà, bản thân cháu T cũng mong muốn được sống cùng với mẹ nếu cha, mẹ ly hôn.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của bà M.

Do bà M không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung nên ông K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[5]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 267, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M với ông Trần Thế K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Ngọc M được ly hôn với ông Trần Thế K.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Quốc T (nam) sinh ngày 27/7/2012 cho bà Nguyễn Ngọc M nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Quốc T đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Ngọc M không yêu cầu ông Trần Thế K cấp dưỡng nên ông K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông K có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) mà bà M đã nộp theo biên lai số 0005100 ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn là bà Nguyễn Ngọc M và bị đơn là ông Trần Thế K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Trường Long Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thanh